

ĐẢM BẢO QUYỀN TƯ PHÁP TRONG TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP Ở VIỆT NAM

ThS ĐẶNG CÔNG NHẬT THUẬN
Học viện Chính trị khu vực III

1. Tình trạng khẩn cấp trong pháp luật Việt Nam hiện nay

Tình trạng khẩn cấp (TTKC) được xem là một trạng thái bất thường mà chính quyền của một quốc gia có thể phải lựa chọn thực hiện những biện pháp đặc biệt và không được phép áp dụng trong những trường hợp thông thường. Việc áp dụng TTKC có thể được xem như cách “tự bảo vệ” của mỗi quốc gia trước những mối đe dọa. Khi đó, mối tương quan giữa lợi ích cá nhân với sự tồn vong của đất nước phải được cân nhắc điều chỉnh lại.

Tình trạng khẩn cấp là tình trạng bất thường nên không thể căn cứ vào các quy định pháp luật bình thường để điều hành và quản lý. Khi áp dụng TTKC sẽ kéo theo nhiều hệ quả pháp lý như sau: (1) một số quyền tự do cơ bản của con người có thể bị giới hạn hoặc phủ nhận một cách tạm thời; (2) thay đổi sự cân bằng trong cơ cấu quyền lực của nhà nước, lập pháp và tư pháp có thể bị hạn chế để giành sự ưu tiên cho hành pháp. Thế nên, về lý thuyết, trong TTKC, cơ quan hành pháp không phải thảo luận mà phải hành động trong tình trạng nguy cơ và cấp bách vì sự sinh tồn của quốc gia, có thể đình chỉ việc áp dụng mọi luật lệ cản trở hành động khẩn cấp, cả luật bảo vệ quyền lợi của cá nhân, với mục đích bảo vệ sự tồn tại chính đáng của quốc gia¹. Tuy nhiên, trong bất kỳ tình huống nào, pháp luật và các quyền con người cũng cần được tôn trọng và có cơ chế bảo vệ. Dù có thể tạm thời bị hạn chế nhưng khi đó quyền lập pháp và quyền tư pháp vẫn phải được duy trì và thực hiện một cách hiệu quả, phù hợp với điều

kiện và tình hình thực tế. Vậy nên, trong TTKC, vẫn cần thiết phải xác lập các quy tắc hiến định và luật định rõ ràng nhằm đảm bảo sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Tình trạng khẩn cấp hay tình trạng đặc biệt là khái niệm không mới và đã được sử dụng ở nhiều quốc gia. Ở Việt Nam, các quy định pháp luật hiện hành chưa có định nghĩa về TTKC mà chỉ liệt kê những tình huống có thể ban bố TTKC. Theo cách hiểu chung nhất, tình trạng khẩn cấp là một tình huống đặc biệt, mang tính ngoại lệ, bất thường và nguy hiểm, xuất phát từ tự nhiên hoặc do con người, có thể xảy ra ở bất cứ đâu, bất cứ thời điểm nào, gây ra những ảnh hưởng to lớn về kinh tế, xã hội, chính trị đối với nhà nước và tài sản, sức khỏe, tính mạng của người dân, đòi hỏi cơ quan có thẩm quyền phải áp dụng các biện pháp đặc biệt nhằm hạn chế, ngăn chặn và khắc phục hậu quả đã hoặc sẽ xảy ra.

Pháp luật về TTKC là tổng hợp các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội liên quan đến TTKC (chủ thể, thủ tục quy định, ban bố, thi hành, hủy bỏ TTKC; thẩm quyền; nguyên tắc; biện pháp áp dụng; cơ chế giám sát và khắc phục hậu quả). Cũng như các lĩnh vực pháp luật khác, pháp luật về TTKC cần có thiết chế thi hành pháp luật, đội ngũ nhân lực, hệ thống đào tạo nhân lực pháp luật, cùng hệ thống thông tin pháp luật để bảo đảm thi hành trong thực tế. Thông thường, ở các nước, thẩm quyền liên quan đến tình trạng khẩn cấp được Hiến pháp quy định².

Ở Việt Nam hiện nay, pháp luật về TTKC được quy định tại nhiều văn bản khác nhau, từ Hiến pháp, luật và văn bản dưới luật. Cụ thể gồm: *Hiến pháp* năm 2013; *Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp* năm 2000; *Luật An ninh quốc gia* năm 2004; *Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm* năm 2007; *Luật Tổ chức Quốc hội* năm 2014; *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật* năm 2015, sửa đổi năm 2020; *Luật Tổ chức Chính phủ* năm 2015; *Luật Thú y* năm 2015; *Luật Quốc phòng* năm 2018; *Luật Dân quân tự vệ* năm 2019; *Luật Bảo vệ môi trường* năm 2020; Nghị định số 71/2002/NĐ-CP ngày 23-7-2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của *Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp trong trường hợp có thảm họa lớn, dịch bệnh nguy hiểm*; Nghị định số 74/2002/NĐ-CP ngày 21-8-2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của *Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp* khi có tình hình đe dọa nghiêm trọng an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội...

Theo Điều 70 Hiến pháp năm 2013, quyết định vấn đề chiến tranh và hòa bình; quy định về tình trạng khẩn cấp, các biện pháp đặc biệt khác bảo đảm quốc phòng và an ninh quốc gia thuộc thẩm quyền của Quốc hội - lập pháp. Theo khoản 10 Điều 74 Hiến pháp năm 2013, UBTVQH có quyền quyết định tổng động viên hoặc động viên cục bộ; ban bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương. Theo khoản 5 Điều 88 Hiến pháp năm 2013, Chủ tịch nước căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội hoặc của UBTVQH, công bố, bãi bỏ quyết định tuyên bố tình trạng chiến tranh; căn cứ vào nghị quyết của UBTVQH, ra lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp; trong trường hợp UBTVQH không thể họp được, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương. Có thể thấy, theo quy định của Hiến pháp, tình trạng khẩn cấp được chia thành hai công đoạn: công đoạn quyết định và công đoạn công bố. Công đoạn quyết định thuộc thẩm quyền của Quốc hội hoặc Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) - cơ quan thường trực hoạt động thường xuyên của Quốc hội. Công đoạn công bố thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước - nguyên thủ quốc gia.

Bên cạnh đó, *Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp* năm 2000 của UBTVQH (Pháp lệnh năm 2000) cũng có

quy định chi tiết về trình trạng khẩn cấp. Theo Điều 2 của Pháp lệnh năm 2000, theo đề nghị của Thủ tướng chính phủ, UBTVQH ra nghị quyết về tình trạng khẩn cấp. Trong trường hợp UBTVQH không họp, thì theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước ra lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp. Theo Điều 16 của Pháp lệnh năm 2000, theo đề nghị của Thủ tướng chính phủ, UBTVQH ra nghị quyết, hoặc Chủ tịch nước ra lệnh bãi bỏ tình trạng khẩn cấp, khi thảm họa đã được ngăn ngừa, hạn chế hoặc khắc phục, dịch bệnh đã được chặn đứng, hoặc dập tắt, tình trạng an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội đã được ổn định. Như vậy, theo Pháp lệnh năm 2000, có hai chủ thể quyết định tình trạng khẩn cấp là UBTVQH và Chủ tịch nước (Điều 74). Việc quy định ở phần nhiệm vụ quyền hạn của UBTVQH, cộng với việc quy định trước đã chứng tỏ UBTVQH là chủ thể quan trọng hơn. Chủ tịch nước chỉ có quyền trong trường hợp mà UBTVQH không thể họp. Tuy nhiên, quyết định một cách nhanh chóng, kịp thời để đáp ứng TTKC của UBTVQH sẽ gặp khó khăn và theo thủ tục, cơ quan này phải triệu tập đầy đủ các thành viên rồi tiến hành bàn bạc, thảo luận mới có thể đưa ra quyết định.

Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp năm 2000 là văn bản được ban hành trên cơ sở Hiến pháp năm 1992. Xét về tính chất quan trọng của TTKC cũng như sự phù hợp giữa các văn bản pháp luật và Hiến pháp hiện hành thì việc duy trì *Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp* năm 2000 không còn phù hợp. Ngoài ra, kể từ khi có Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp và một số đạo luật chuyên ngành, Việt Nam chưa từng ban bố TTKC. Ngay trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 dù có cơ sở là *Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm*, nhưng Việt Nam cũng chưa ban bố TTKC về dịch bệnh. Thế nhưng, trong thực tiễn phòng, chống dịch Covid-19 cho thấy, mặc dù chưa ban bố TTKC nhưng một số biện pháp của TTKC đã được áp dụng để kịp thời ứng phó với tình hình dịch bệnh. Thực tiễn áp dụng pháp luật trong phòng, chống dịch Covid-19 có ý nghĩa quan trọng đối với việc đánh giá, hoàn thiện pháp luật về phòng, chống dịch bệnh nói chung và pháp luật về TTKC về dịch bệnh nói riêng. Thực tiễn công tác chống dịch Covid-19 đã mang lại nhiều bài học kinh nghiệm, đồng thời cũng bộc lộ những chế, bất cập trong tổ chức thực hiện pháp luật về TTKC.

2. Thực hiện quyền tư pháp trong tình trạng khẩn cấp

Ở Việt Nam, quyền tư pháp được tổ chức thực hiện thông qua cơ quan tư pháp và hoạt động tư pháp, cụ thể là tòa án và hoạt động xét xử của tòa án. Trong TTKC, dù bị hạn chế so với quyền hành pháp nhưng quyền tư pháp của tòa án vẫn cần được duy trì để đảm bảo quyền lực thống nhất của Nhà nước, thể hiện qua các hoạt động chủ yếu sau:

Một là, duy trì hoạt động xét xử của tòa án

Tòa án là cơ quan trung tâm của quyền tư pháp. Hai chức năng cơ bản của tòa án là chức năng duy trì công bằng, công lý và chức năng khôi phục các quyền đã bị xâm phạm. Ở nghĩa đó, không một cơ quan nào khác trong hệ thống quyền lực nhà nước có thể đảm nhận đầy đủ³. Khoản 1 Điều 102 Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định: “Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp”. Mục đích thực hiện quyền tư pháp là để xử lý mọi hành vi vi phạm pháp luật, giải quyết các tranh chấp về quyền và nghĩa vụ phát sinh, bổ sung, thay đổi hoặc chấm dứt từ các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ do tòa án thực hiện bằng thủ tục tố tụng chặt chẽ, dân chủ, công khai và công bằng, nhằm khôi phục, duy trì trật tự pháp luật, khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị xâm phạm, góp phần bảo đảm pháp luật được tôn trọng và chấp hành nghiêm minh⁴.

Trong TTKC, việc thực hiện quyền tư pháp nói chung và hoạt động xét xử nói riêng có thể bị hạn chế do những trở ngại khách quan hoặc để nhường sự ưu tiên cho các hoạt động cấp thiết khác. Tuy nhiên, sự hạn chế hay gián đoạn chỉ mang tính tạm thời. Trong thời kỳ diễn ra đại dịch Covid-19, để bảo vệ an toàn cho người dân, an toàn công cộng, các Tòa án ở nhiều quốc gia đã đưa ra hàng loạt biện pháp, trong đó có một số phiên xét xử từ xa, trực tuyến để hoạt động xét xử không bị gián đoạn. Điều này cũng gây ra nhiều tranh luận về vấn đề bảo đảm công lý theo thủ tục và công lý thực chất. Tuy nhiên, không thể phủ nhận, điều này đã giúp cung cấp quyền tiếp cận công lý và giữ cho hệ thống tư pháp hoạt động trong một cuộc khủng hoảng chưa biết khi nào sẽ kết thúc. Trong thời đại công nghệ số, đây cũng là một khả năng, một xu hướng tất yếu để biện pháp xét xử trực tuyến, việc

điều trần, xét xử từ xa sẽ trở nên bình thường ở một số quốc gia sau dịch bệnh⁵.

Theo thống kê của Tòa án nhân dân tối cao, từ ngày 01-10-2020 đến ngày 30-9-2021, các tòa án đã thụ lý 537.577 vụ việc, đã giải quyết được 436.660 vụ việc (đạt tỷ lệ 81,2%). Đáng chú ý, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên nhiều vụ việc không thể mở phiên tòa, phiên họp theo kế hoạch, số vụ việc đã thụ lý giảm 64.675 vụ việc, số vụ việc đã giải quyết giảm 107.944 vụ việc. Trong đó, đã xử lý nghiêm các vụ án tham nhũng gây ra những thiệt hại đặc biệt lớn, được dư luận xã hội rất quan tâm, do những người có chức vụ, quyền hạn thực hiện như vụ án Đinh La Thăng, Trịnh Xuân Thanh và đồng phạm xảy ra tại Dự án Ethanol Phú Thọ, vụ án xảy ra tại Công ty Nhật Cường, Công ty Gang thép Thái Nguyên... Đặc biệt, tòa án các cấp đã đưa ra xét xử 136 vụ với 177 bị cáo liên quan phòng, chống dịch bệnh Covid-19, góp phần tích cực vào công tác phòng, chống dịch bệnh. Việc xét xử các vụ án hình sự bảo đảm nghiêm minh, đúng pháp luật⁶. Có thể thấy, hoạt động xét xử của tòa án cơ bản được duy trì.

Hai là, đảm bảo vai trò của cơ quan tư pháp trong cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước

Ở Việt Nam, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Việc thiết lập cơ chế kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan quyền lực nhà nước là cần thiết, nhằm ngăn chặn khả năng lạm quyền, bảo đảm quyền lực nhà nước được sử dụng đúng mục đích. Nhìn chung, trong cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam, trung tâm của sự kiểm soát được đặt vào Chính phủ, cụ thể là sự kiểm soát của Quốc hội đối với Chính phủ. Đối với cơ quan tư pháp, Hiến pháp không trao cho Chính phủ bất kỳ quyền kiểm soát nào đối với hoạt động của tòa án. Quy định này có sự tính toán, nhằm bảo đảm cho tòa án có được vị thế độc lập, khách quan trong hoạt động xét xử. Tuy nhiên, tòa án cũng không có quyền kiểm soát thực chất đối với Quốc hội và Chính phủ. Trên thực tế, tòa án không thực hiện chức năng bảo hiến (quyền phủ quyết đối với các văn bản quy phạm pháp luật, quyết định của Quốc hội và Chính phủ nếu chúng trái với Hiến pháp) cũng như giám sát hoạt động của hai cơ

quan quyền lực này. Qua hoạt động xét xử, tòa án có quyền đề nghị hay yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền khắc phục, sửa đổi, hoặc bãi bỏ các quy định không còn phù hợp. Trên cơ sở đó, tòa án thực hiện việc tổng kết thực tiễn, xét xử, nhằm bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong hoạt động xét xử⁷. Có thể thấy, theo quy định hiện hành, ngay cả trong điều kiện bình thường, vai trò của tòa án đối với hoạt động kiểm soát quyền lực của Chính phủ và Quốc hội cũng còn rất hạn chế.

Tình trạng khẩn cấp đòi hỏi sự phản ứng kịp thời, quyết đoán từ phía các cơ quan nhà nước, do vậy các thẩm quyền đặc biệt trong trường hợp này thường được trao về cho cơ quan hành pháp, xuất phát từ tính chủ động của nó. Tuy nhiên, khi quyền lực tập trung quá nhiều vào một cơ quan thì khả năng mất cân bằng trong cơ cấu quyền lực càng dễ có nguy cơ xảy ra nếu không có cơ chế kiểm soát hợp lý. Do đó, bên cạnh quy định các biện pháp đặc biệt được áp dụng trong TTKC, một số quốc gia đã ghi nhận những hạn chế nhất định đối với quyền hạn khẩn cấp⁸. Sự hạn chế này góp phần đảm bảo cho cơ cấu quyền lực không bị xáo trộn, tránh thu tóm quyền lực hoặc những thay đổi tùy tiện chỉ đem lại lợi ích cho phía cơ quan hành pháp. Thực tế cho thấy, vai trò của cơ quan tư pháp trong TTKC đương nhiên bị hạn chế. Chẳng hạn như trong thời kỳ dịch bệnh Covid-19 ở Việt Nam, nhờ có nhiều biện pháp đề ứng phó và thích nghi, tòa án các cấp đã cơ bản thực hiện tốt chức năng xét xử, đặc biệt là các vụ án liên quan đến sai phạm trong công tác phòng chống dịch. Tuy nhiên, đây chỉ mang tính chất khắc phục hậu quả và kiến nghị hoàn thiện pháp luật dựa trên kết quả tổng kết công tác xét xử.

Ba là, duy trì sự giám sát của cơ quan tư pháp đối với hoạt động của cơ quan hành pháp và lập pháp

Việc áp dụng TTKC sẽ gây ra những thay đổi nhất định trong trật tự pháp luật thông thường của xã hội, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, cũng như tiềm ẩn nguy cơ làm mất tính dân chủ trong xã hội. Nhìn chung, hiện nay, ở các quốc gia trên thế giới, việc giám sát trong tình trạng khẩn cấp thường được trao về cho cơ quan lập pháp và tư pháp bằng nhiều cách thức khác nhau. Sự tham gia của các cơ quan tư pháp thông qua cơ chế xem xét tư pháp có ý nghĩa rất quan trọng trong việc bảo đảm

tính dân chủ trong tình trạng khẩn cấp bởi lẽ ngay cả khi Hiến pháp cho phép áp dụng các biện pháp đặc biệt, việc áp dụng này cũng phải theo đúng quy định của pháp luật (bao gồm cả pháp luật quốc gia và các văn kiện pháp lý quốc tế). Tòa án có thể tham gia vào quá trình ra tuyên bố hoặc gia hạn tình trạng khẩn cấp và giám sát tính hợp hiến, hợp pháp của các biện pháp đặc biệt được áp dụng. Tuy nhiên, hiện nay cơ chế này được quy định rất khác nhau ở các quốc gia⁹.

Ở Việt Nam, việc tuyên bố hoặc gia hạn TTKC không thuộc thẩm quyền của tòa án và sự giám sát của tòa án đối với các biện pháp khẩn cấp do Chính phủ thực hiện cũng chưa được quy định cụ thể.

3. Một số gợi mở nhằm góp phần đảm bảo quyền tư pháp trong tình trạng khẩn cấp ở Việt Nam

Thứ nhất, hoàn thiện cơ sở pháp lý về tình trạng khẩn cấp

Khi áp dụng TTKC tất yếu sẽ dẫn đến việc hạn chế quyền tự do dân chủ, tự do cá nhân, trong nhiều trường hợp còn dẫn đến việc hạn chế quyền trong lĩnh vực chính trị - kinh tế - xã hội. Vì vậy, các nội dung về tình trạng khẩn cấp nên được ghi nhận trước hết trong Hiến pháp - văn bản có giá trị pháp lý cao nhất của mỗi quốc gia dưới dạng một điều khoản riêng biệt (Điều khoản khẩn cấp) để nhằm: (1) đảm bảo tính cân trọng, ổn định trong việc áp dụng tình trạng khẩn cấp và (2) đảm bảo sự cân bằng trong cán cân quyền lực của hệ thống chính trị.

Hiện nay, ở Việt Nam, Hiến pháp năm 2013 có ghi nhận về tình trạng khẩn cấp nhưng chỉ mới ghi nhận một cách gián tiếp qua quy định về quyền hạn của các cơ quan nhà nước như Quốc hội (Điều 70), UBTVQH (Điều 74) và Chủ tịch nước (Điều 88). Thế nên, thiết nghĩ cần thiết phải bổ sung một điều khoản riêng biệt về TTKC trong Hiến pháp. Điều khoản này sẽ ghi nhận các nội dung cơ bản như căn cứ ban bố, chủ thể có thẩm quyền ban bố, thời hạn áp dụng. Các quy định chi tiết hơn về TTKC sẽ được thể hiện trong các luật chuyên ngành, chẳng hạn như *Luật Tình trạng khẩn cấp* thay cho *Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp* năm 2000.

Thứ hai, tăng cường vai trò giám sát của cơ quan tư pháp trong TTKC

Có thể đánh giá, theo quy định hiện hành, vai trò giám sát của Quốc hội và UBTVQH về cơ bản đã

được quy định rõ, tuy nhiên vai trò của Tòa án vẫn còn khá mờ nhạt. Đặc biệt, trong TTKC thì hoàn toàn chưa có quy định cụ thể nào. Vì vậy, nên cần nhắc bổ sung các quy định trong các luật chuyên ngành về TTKC để thể hiện rõ vai trò giám sát của tòa án đối với hoạt động của Chính phủ và Quốc hội. Những quy định này sẽ góp phần tạo nên một cơ chế bảo vệ tư pháp mạnh mẽ, đủ để giám sát, bảo đảm tính dân chủ trong TTKC.

Thứ ba, quy định cụ thể về các biện pháp tòa án có thể áp dụng trong TTKC để duy trì hoạt động xét xử, đảm bảo thực hiện quyền tư pháp

Trong TTKC, các điều kiện về chính trị, xã hội, cơ sở vật chất để đảm bảo cho công tác xử sẽ bị ảnh hưởng, thế nên tòa án phải áp dụng các biện pháp hợp để có thể duy trì hoạt động của mình, để bảo vệ pháp luật, bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân. Thế nên, cần thiết phải bổ sung những quy định nhằm đa dạng hóa phương thức xét xử của tòa án, giúp hoạt động của tòa án linh hoạt hơn, hiệu quả hơn, qua đó nâng cao tính minh bạch trong hoạt động tố tụng của tòa án, tạo đòn bẩy thúc đẩy quá trình giải quyết vụ việc, vụ án được nhanh chóng, thuận lợi hơn cho đương sự trong TTKC. Cụ thể, cần quy định cụ thể về các biện pháp như sau: (1) tạm hoãn hoạt động xét xử trong thời hạn công bố TTKC; (2) di chuyển tạm thời địa điểm xét xử đến nơi có đủ điều kiện xét xử và (3) thực hiện hoạt động xét xử theo phương thức trực tuyến. Các biện pháp này sẽ góp phần giúp người dân, doanh nghiệp thực hiện kịp thời, hiệu quả

hơn các quyền trong lĩnh vực tư pháp của mình; giúp giảm thiểu rủi ro; giúp họ chủ động hơn trong lao động, hoạt động sản xuất kinh doanh để duy trì sự đóng góp vào nền kinh tế.

1. Nguyễn Đăng Dung: *Tình trạng khẩn cấp theo quy định của Hiến pháp và Công ước*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, 18 (418), 2020.
2. Trương Hồng Quang, Trần Việt Long, Nguyễn Tài Phương: *Một số vấn đề lý luận về pháp luật tình trạng khẩn cấp*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 08 (456), 2022.
3. Đào Trí Úc: *Giáo trình Nhà nước pháp quyền*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015, tr.195.
4. Phạm Thị Hồng Đào: *Quyền tư pháp và thực hiện quyền tư pháp theo Hiến pháp năm 2013*, 2016, <https://moj.gov.vn/qt/cacchuyenmuc/ctv/news/Pages/tin-hoat-dong.aspx?ItemID=152>.
5. Lê Thanh Hoàn: *Tòa án quốc gia trên thế giới xét xử trực tuyến trong thời kỳ Covid-19*, 2021, <https://daibieunhandan.vn/ngghi-vien-the-gioi-viet-nam-va-the-gioi/Toa-an-quoc-gia-tren-the-gioi-xet-xu-truc-tuyen-trong-thoi-ky-Covid19-i276409/>.
6. Dũng Trung Toàn: *Năm 2021, số vụ việc được Tòa án giải quyết giảm do ảnh hưởng dịch Covid-19*, 2021, <https://nhandan.vn/nam-2021-so-vu-viec-duoc-toa-an-giai-quyet-giam-do-anh-huong-dich-covid-19-post670771.html>.
7. Lưu Văn Quảng: *Bàn về cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Cộng sản, 2020, <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/ng-hien-cu/-/2018/817167/ban-ve-co-che-kiem-soat-quyen-luc-nha-nuoc-o-viet-nam-hien-nay.aspx>.
- 8, 9. Nguyễn Mai Anh: *Tình trạng khẩn cấp và vấn đề bảo đảm dân chủ trong tình trạng khẩn cấp*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, 12 (460), 2022.

10 NĂM THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH 217-QĐ/TW...

Tiếp theo trang 74

MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp cần tăng cường theo dõi, giám sát việc tiếp thu, giải trình và khắc phục những hạn chế, khuyết điểm, thiếu sót của các cơ quan, tổ chức đã được chỉ ra qua GS, PBXH; kịp thời báo cáo với cấp ủy, chính quyền để có sự chỉ đạo và phải kiên trì theo đuổi đến cùng việc giải quyết ý kiến, kiến nghị đã được nêu ra.

1. Từ năm 2013 - 2021, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và cấp huyện đã tổ chức 170 hội nghị cho 14.200 lượt cán bộ là ủy viên Ủy ban MTTQVN và Ban Thường trực Ủy ban MTTQVN các cấp trong tỉnh để quán triệt, triển

khai các Quyết định và các văn bản chỉ đạo của Bộ Chính trị, hướng dẫn của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Kế hoạch của Tỉnh ủy.

2. Nghị quyết số 29/2017/NQ-HĐND ngày 11-10-2017 của Hội đồng nhân tỉnh quy định nội dung, mức chi hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của địa phương.

3, 4. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đắk Lắk: *Kết quả thực hiện quy định về giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (giai đoạn 2013 - 2021)*.

